TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2387**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-11-2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 566/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2022 về "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4271/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13833/2023/QĐHPT – HNGĐ ngày 10/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị B, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Số 0846/3D Tổ 41, Khu phố 5, đường APĐ 3, phường APĐ, Quận X, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Nguyen Binh J, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA): 5700 Karl. Rd Columbus. OH. 43229, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai, nguyên đơn bà Võ Thị B trình bày:

Bà Võ Thị B và ông Nguyen Binh J kết hôn năm 2009 theo Giấy chứng nhận đã kết hôn số 631 ngày 20/02/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn, sau đó ông Nguyen Binh J trở về nước Hoa Kỳ sinh sống, không trở lại Việt Nam. Do

quen biết một thời gian ngắn rồi kết hôn nên hai bên tìm hiểu nhau rất ít, khi sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống không giải quyết được, vợ chồng ly thân nhau hơn 10 năm nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Võ Thị B yêu cầu được ly hôn ông Nguyen Binh J.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyen Binh J:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ số 16/UTTPDS-TA30 ngày 10/01/2023; Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông Nguyen Binh J biết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyen Binh J vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Võ Thị B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyen Binh J vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị B và ông Nguyen Binh J không còn tồn tại, mỗi người sinh sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị B ly hôn ông Nguyen Binh J; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị B yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyen Binh J, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyen Binh J đang cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA), bà Võ Thị B cư trú tại Quận X, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân

dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Võ Thị B và bị đơn ông Nguyen Binh J tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Nguyen Binh J:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ số 16/UTTPDS-TA30 ngày 10/01/2023; Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông Nguyen Binh J biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân Thành phố H nhận được Công văn số 1401/BTP – PLQT ngày 03/7/2023 của Bộ Tư pháp trả lời Cơ quan có thẩm quyền của nước Hoa Kỳ (USA) đã thực hiện ủy thác tư pháp bằng phương thức tống đạt trực tiếp cho ông Nguyen Binh J ngày 20/4/2023. Tuy nhiên, ông Nguyen Binh J không phản hồi, không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 10/10/2023, Tòa án nhân dân Thành phố H mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất; Ông Nguyen Binh J vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Nguyen Binh J vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Khoản 3 Điều 474 và Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị B đối với bị đơn ông Nguyen Binh J, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị B đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; Đối với bị đơn ông Nguyen Binh J vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Nguyen Binh J từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Võ Thị B cung cấp và Tòa án thu thập để xét xử vụ án.

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đã kết hôn số 631 ngày 20/02/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Võ Thị B và ông Nguyen Binh J; Có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị B và ông Nguyen Binh J là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Võ Thị B yêu cầu ly hôn ông Nguyen Binh J với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn, sau đó ông Nguyen Binh J trở về nước Hoa Kỳ sinh sống, không trở lại Việt Nam. Do quen biết một thời gian ngắn rồi kết hôn nên hai bên tìm hiểu nhau rất ít, khi sống chung, vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống không giải quyết được, vợ chồng ly thân nhau hơn 10 năm nay. Đối với ông Nguyen Binh J, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp đúng quy định của pháp luật, ông Nguyen Binh J nhận được nhưng không có phản hồi, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Võ Thị B và ông Nguyen Binh J không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình, khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị B ly hôn ông Nguyen Binh J theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa: Như nhận định nêu trên xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 474, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị B đối với bị đơn ông Nguyen Binh J:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị B ly hôn ông Nguyen Binh J.

Giấy chứng nhận đã kết hôn số 631 ngày 20/02/2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Võ Thị B và ông Nguyen Binh J không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Võ Thị B phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003371 ngày 04/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Võ Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyen Binh J cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TPH (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức